TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:12 /2024/DS-ST.
Ngày: 13-5-2024.
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:1. Ông Trương Quang Ngọc.

2. Ông A Brưk

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Bùi Thị Hoà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện VKSND thành phố Kon Tum tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Lan Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nh- sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn 2, Thị Trấn Sa Th , Huyện Sa Th , Tỉnh Kon Tum. Có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH S

Địa chỉ: Thôn Thanh Tr , P. Ngô M , Tp Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn H – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc. Vắng mặt.

Địa chỉ: 1.2L1 KD2 Cc Tam Phú, phường Tam Ph , thành phố Thủ Đ , thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/8/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn – chị trình bày:

Ngày 31/01/2021, Ông Nguyễn Văn Ngh - Phó giám đốc Công ty TNHH S có ký giấy mượn tiền với Bà Nguyễn Thị Nhvới nội dung mượn tiền để trả tiền điện nhà máy Công ty TNHH S, số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn).

Theo nội dung giấy mượn tiền, Công ty sẽ phải trả nợ cho bà Nhị vào ngày 31/12/2021, tuy nhiên đến nay đã 20 tháng kể từ ngày đến hạn trả nợ nhưng Công

ty TNHH S đã không thực hiện nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận trong giấy mượn tiền vì vậy bà khởi kiện Công ty TNHH S yêu cầu Tòa án Nhân dân Thành phố Kon Tum buộc Công ty TNHH S phải có nghĩa vụ hoàn trả bà Nhị số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), bà Nhị không yêu cầu tính lãi.

Về án phí: Bà Nhị đề nghị bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH S không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định BLTTDS; bị đơn Công ty TNHH S không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

-Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn khởi kiện buộc Công ty TNHH S phải trả 100.000.000đ và cung cấp giấy mượn tiền ngày 31/01/2021 thể hiện nội dung Công ty TNHH S có ký giấy mượn tiền với Bà Nguyễn Thị Nhvới nội dung mượn tiền để trả tiền điện nhà máy Công ty TNHH S, số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn trả vào ngày 12/12/2021, tuy nhiên khi đến hạn bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 117, 463, 470 Bộ luật dân sự 2015 buộc Công ty TNHH S phải có trách nhiệm trả cho Bà Nguyễn Thị Nhsố tiền 100.000.000 đồng.

Về yêu cầu tiền lãi: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay Bà Nguyễn Thị Nhkhông yêu cầu tính lãi nên không xét.

Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Nhkhởi kiện Công ty TNHH S phải trả số tiền 100.000.000 đồng, Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum đã thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn. Xét thấy, bị đơn có nơi cư trú

tại địa bàn thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới. Toà án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà đối với bị đơn, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH S.

[2] Nội dung : Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị NhHội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH S không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhị. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Bà Nguyễn Thị Nhcung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Về khoản tiền nợ, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Nhxuất trình cho Tòa án 01 chứng cứ là giấy mượn tiền đề ngày 31/01/2021 với nội dung hai bên thoả thuận: " *Bà Nguyễn Thị Nhđồng ý cho Công ty TNHH S vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), mục đích sử dụng trả tiền điện năm 2020, thời hạn vay từ ngày 31/01/2021 đến ngày 12/12/2021.* Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà Nhị khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc vay mượn giữa hai bên là tự nguyện, hai bên xác định thời hạn vay, nên đây được xem là hợp đồng vay có thời hạn, bị đơn, Công ty TNHH S đã được Toà án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong thông báo thụ lý nhưng bị đơn đã không có ý kiến, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia hòa giải, tham gia phiên toà. Các bên đương sự khi tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi dân sự, xuất phát từ sự thoả thuận của hai bên nên giao dịch dân sự giữa các bên là hợp pháp phù hợp theo quy định của pháp luật, bị đơn Công ty TNHH S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc Bà Nguyễn Thị Nhkhởi kiện là có căn cứ. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Nhbuộc Công ty TNHH S phải có nghĩa vụ trả cho Bà Nguyễn Thị Nhsố tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), là phù hợp với quy định tại Điều 117 và Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà Nhị không yêu cầu bị đơn trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đơn khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Nhđược chấp nhận nên bà Nhị không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 117, 463, 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 18, khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[2].Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhđề ngày 31/8/2023.

Buộc Công ty TNHH S phải trả cho Bà Nguyễn Thị Nhsố tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị Nhcó đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty TNHH S chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH S phải chịu 5.000.000 đồng *(*Năm triệu đồng*)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Bà Nguyễn Thị Nhsố tiền 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001410 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/5/2024), các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Đối với trường hợp vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Kon Tum;
- Chi cục THADS thành phố Kon Tum;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đồng Thị Bình

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/5/2024), các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Đối với trường hợp vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**